

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2026/HS-ST

Ngày: 11/9/2026.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Lê Lân .

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thuý Kiều.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyên Quy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 107/2026/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 105/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hà Mi M; tên gọi khác: không; giới tính: nữ; sinh ngày: 01/10/1988 tại P, Gia Lai; số CCCD: 052188004825, ngày cấp: 30/9/2025, nơi cấp: Bộ C1; nơi cư trú: thôn A, xã P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Ngọc M1, sinh năm: 1966 và bà Hà Thị L, sinh năm: 1969; chồng: Nguyễn Tường T, sinh năm: 1989 (đã ly hôn), con: có 04 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 17/12/2014, bị Toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn (cũ) tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Đã chấp hành xong bản án và được xoá án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2026 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại **Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G** (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh S**; tên gọi khác: không; giới tính: nam; sinh ngày: 06/01/2002 tại P, Gia Lai; số CCCD: 052202007220, ngày cấp: 14/8/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi cư trú: thôn T, xã P, tỉnh Gia Lai; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; con ông Nguyễn Duy L1 (chết) và bà Phạm Thị L2, sinh năm: **1969**; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2026 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam P – Cơ sở 2, thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Võ Văn Đ, sinh năm: 1977; nơi cư trú: thôn P, xã P, tỉnh Gia Lai (có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 5/2026, Nguyễn Hà Mi M đi một mình vào thành phố Q cũ (không xác định phường) chơi và mua 250.000 đồng ma túy của 01 người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch. Sau đó, M mang số ma túy này về nhà cất giấu để sử dụng một mình.

Vào khoảng 13 giờ 30 ngày 16/5/2026, Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S cùng đến quán C2 ở thôn P, xã P, tỉnh Gia Lai để uống nước, ngồi nói chuyện với nhau. Khi đến quán cà phê M mang theo 01 túi xách quần áo, bên trong túi xách có 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy “đá”, gồm 01 (một) chai thủy tinh, nắp màu trắng, kích thước (9x3,5)cm; trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn; 01 lỗ gắn 01 nõ thủy tinh, kích thước (9x4)cm bên trong còn ma túy “đá” chưa sử dụng hết; 01 lỗ gắn 01 (một) ống hút nhựa màu hồng.

Khi vào quán M và S đi ra phía sau vào trong chòi gọi nước uống. Quá trình uống nước, M lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy trên ra rủ S sử dụng số ma túy “đá” còn lại trong nõ. S đồng ý rồi lấy bật lửa khò trong túi quần của S ra, S dùng bật lửa khò đốt nóng bầu nõ cho ma túy chảy ra rồi S hút trước, S tiếp tục đốt cho M hút. S tự đốt hút khoảng 05 hơi ma túy “đá” và đốt cho M hút 02 hơi ma túy “đá”.

Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi M và S đang sử dụng ma túy thì bị tổ công tác Phòng **Cảnh sát Điều tra tội phạm** về ma túy Công an tỉnh G kiểm tra quán cà phê Nhật N phát hiện. Khi phát hiện có Công an, Nguyễn Hà Mi M cất bộ dụng cụ sử dụng ma túy còn ma túy “đá” đang sử dụng vào trong túi xách; còn Nguyễn Thanh S cất 01 bật lửa, dạng khò vào trong túi quần. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra túi xách của M và túi quần của S phát hiện toàn bộ các dụng cụ sử dụng ma túy “đá” trên nên đã tiến hành tạm giữ, niêm phong để phục vụ điều tra.

* Theo Phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 16/5/2026 của Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy: Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S đều dương tính với ma túy, loại Methamphetamine.

* Theo Kết luận giám định số 1064/KL-KTHS ngày 21/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh G, kết luận: Chất rắn màu nâu bám dính bên trong 01 (một) nỏ thủy tinh, kích thước (9x4)cm gửi giám định đều là ma túy, có khối lượng 0,0551 gam là loại Methamphetamine.

* Về vật chứng: Chuyển giao cho P trại Tạm giam Phù Cát thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G bảo quản gồm:

- 01 (một) bì thư dán kín niêm phong số 1064/KL-KTHS, có đóng dấu tròn của Phòng KTHS Công an tỉnh G; chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thị Bích H; Phạm Huỳnh Thế Vĩnh . Trên bì thư ghi “Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh kích thước (9x4)cm và 0,0296 gam mẫu A còn lại sau giám định”;

- 01 (một) chai thủy tinh, nắp màu trắng, kích thước (9x3,5)cm; trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn; 01 lỗ gắn 01 (một) ống hút nhựa màu hồng;

- 01 (một) bì thư dán kín niêm phong, có đóng dấu tròn của Phòng KTHS Công an tỉnh G; chữ ký, ghi họ tên Ngô Thị Thùy D, Nguyễn Xuân A, Phạm Thanh C (bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 9, số IMEI 1: 865858052756249; số IMEI 2: 865858052756256 của Nguyễn Hà Mi M, hoàn lại sau giám định);

- 01 (một) bật lửa dạng khò.

(Có đặc điểm như phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật của vụ án ngày 21/8/2026, đã chuyển giao cho P trại tạm giam Phù Cát thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G tạm giữ, bảo quản).

Tại Cáo trạng số: 79/CT-VKSGLI-KV, ngày 25 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S và không có thay đổi, bổ sung gì thêm.

* Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

* Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX:

- Đối với bị cáo Nguyễn Hà Mi M: Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thanh S: áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 BLHS:

- Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) bì thư dán kín niêm phong số 1064/KL-KTHS, có đóng dấu tròn của Phòng KTHS Công an tỉnh G; chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thị Bích H; Phạm Huỳnh Thế Vĩnh . Trên bì thư ghi “Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh kích thước (9x4)cm và 0,0296 gam mẫu A còn lại sau giám định”; 01 (một) chai thủy tinh, nắp màu trắng, kích thước (9x3,5)cm; trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn; 01 lỗ gắn 01 (một) ống hút nhựa màu hồng và 01 (một) bật lửa dạng khò.

- Trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 9, số IMEI 1: 865858052756249; số IMEI 2: 865858052756256 của Nguyễn Hà Mi M cho Nguyễn Hà Mi M.

Tại phiên tòa, trong phần tự bào chữa và phần tranh luận, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cũng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến hay khiếu nại gì và không có ý kiến gì tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thực sự ăn năn, hối cải và mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, tính chất nguy hiểm của hành vi, HĐXX thấy rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước Tòa phù hợp với lời thú tội của các bị cáo vào ngày 16/5/2026, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường lập ngày 16/5/2026, kết quả xét nghiệm các chất ma túy trong cơ thể ngày 16/5/2026, Kết luận giám định số 1064/KL-KTHS ngày 21/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh G và đã được HĐXX thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Do nhu cầu sử dụng ma túy, khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/5/2026, Nguyễn Hà Mi M đã cung cấp ma túy cùng các dụng cụ sử dụng ma túy rủ Nguyễn Thanh S tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán C2 thuộc thôn P, xã P, tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày bị tổ công tác Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh G phát hiện, bắt quả tang. Theo kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể thì Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S đều dương tính với chất ma túy loại Methamphetamine. **Và cũng phù hợp với số ma túy còn lại trong nỏ đưa đi giám định.** Do đó, hành vi của Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Gia Lai truy tố các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S với tội danh, khung hình phạt nêu trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý, sử dụng các chất ma túy của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng đến chính sức khỏe của người sử dụng trái phép chất ma túy. Khi thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, các bị cáo đủ nhận thức để nhận biết tác hại của ma túy cho bản thân, gia đình và xã hội; biết rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm khác. Vì vậy, cần xử các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4]. Về vai trò đồng phạm các bị cáo: Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc, cấu kết tổ chức chặt chẽ nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong đó, bị cáo Nguyễn Hà Mi M là người khởi xướng, rủ rê, người trực tiếp cung cấp ma túy và các dụng cụ sử dụng ma túy. **Bị cáo Nguyễn Thanh S khi được rủ rê thì đồng tình trực tiếp đốt cháy ma túy trong nỏ để cùng sử dụng chung.** Do đó, HĐXX xác định vụ án này là vụ án đồng phạm giản đơn để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo để tuyên một mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo thực hiện.

[5]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện rõ sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Hà Mi M đang nuôi 03 người con dưới 15 tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có mẹ già đau bệnh. Do vậy, HĐXX xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo M để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Văn S1 có tuổi đời còn trẻ, có nhân thân tốt. Các bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải nên HĐXX cân nhắc xét xử các bị cáo ở mức khởi điểm khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Cũng là để tạo điều kiện cho các bị cáo tích cực học tập, cải tạo để sớm trở lại với cộng đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 9, số IMEI 1: 865858052756249; số IMEI 2: 865858052756256 của Nguyễn Hà Mi M. Xét thấy điện thoại này là điện thoại cá nhân, qua quá trình trích xuất dữ liệu không thấy dấu hiệu phạm tội nên HĐXX xét trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) bì thư dán kín niêm phong số 1064/KL-KTHS, có đóng dấu tròn của Phòng KTHS Công an tỉnh G; chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thị Bích H; Phạm Huỳnh Thế Vĩnh. Trên bì thư ghi "Võ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh kích thước (9x4)cm và 0,0296 gam mẫu A còn lại sau giám định"; 01 (một) chai thủy tinh, nắp màu trắng, kích thước (9x3,5)cm; trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn; 01 lỗ gắn 01 (một) ống hút nhựa màu hồng và 01 (một) bật lửa dạng khò. Xét thấy các vật chứng này là công cụ trực tiếp liên quan đến vụ án nên tịch thu, tiêu hủy.

[7]. Các vấn đề khác:

- Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Hà Mi M, không có cơ sở để xác định lai lịch của người này nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với ông Võ Văn Đ chủ quán C2, không biết các bị cáo vào quán để sử dụng ma túy tại quán. Không có hành vi bao che, che giấu hoặc tiếp tay cho hành vi vi phạm pháp luật. Điều này cho thấy ông không có ý thức đồng phạm hay mục đích tạo điều kiện cho việc sử dụng ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông Võ Văn Đ là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Căn cứ theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Tại phiên toà, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 255; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đối với bị cáo Nguyễn Hà Mi M;

Căn cứ khoản 1 Điều 255; các điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đối với bị cáo Nguyễn Thanh S;

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà Mi M **03** (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2026.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh S **03** (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2026.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 9, số IMEI 1: 865858052756249; số IMEI 2: 865858052756256 cho Nguyễn Hà Mi M.

3.2. Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) bì thư dán kín niêm phong số 1064/KL-KTHS, có đóng dấu tròn của Phòng KTHS Công an tỉnh G; chữ ký, ghi họ tên của Nguyễn Thị Bích H; Phạm Huỳnh Thế Vĩnh. Trên bì thư ghi “Vỏ, bao bì đựng mẫu vật; 01 (một) nỏ thủy tinh kích thước (9x4)cm và 0,0296 gam mẫu A còn lại sau giám định”; 01 (một) chai thủy tinh, nắp màu trắng, kích thước (9x3,5)cm; trên nắp chai có đục 02 lỗ tròn; 01 lỗ gắn 01 (một) ống hút nhựa màu hồng và 01 (một) bật lửa dạng khò.

(Hiện các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam Phù Cát thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G. Theo Lệnh nhập vật chứng số A504/LNK-CSMT ngày 18/8/2026 của Cơ quan CSĐT công an tỉnh G và P1 nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật của vụ án số 44/PNK ngày 21/8/2026 của Phân trại tạm giam Phù Cát thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh G).

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hà Mi M và Nguyễn Thanh S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

5. *Quyền kháng cáo đối với bản án:* Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

*** Nơi nhận:**

- Phòng Giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi hành án TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 3 – Gia Lai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ – CA T. Gia Lai;
- VP Cơ quan CSĐT CA T. Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 3 - Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê Lân